

Số 129/TB-BVYHCTTW

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh dược liệu

Bệnh viện Y học cổ truyền TW trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Để chuẩn bị xây dựng Danh mục kế hoạch mua bổ sung dược liệu năm 2025, Bệnh viện kính mời các đơn vị tham gia báo giá danh mục dược liệu theo nội dung như sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển ... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

- Mục đích báo giá: làm cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm.

- Thời hạn gửi báo giá: Trước 16 giờ 30 ngày 28 tháng 02 năm 2025.

- Hình thức gửi báo giá:

+ 01 Bản giấy Bảng chào giá bằng tiếng Việt, có chữ kí và đóng dấu Người đại diện hợp pháp của đơn vị

+ Bản PDF và file excel Bảng chào giá gửi về địa chỉ mail: haiyen240487@gmail.com

- Địa điểm nhận báo giá:

Phòng Hành chính (Bộ phận văn thư) – Bệnh viện Y học cổ truyền TW.

Địa chỉ: 29 Nguyễn Bình Khiêm – phường Nguyễn Du – quận Hai Bà Trưng – Hà Nội.

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ Khoa Dược – Bệnh viện Y học cổ truyền TW, số điện thoại 0243.9431156 (gặp DS Vũ Thị Yến). *gms*

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: VT; KD

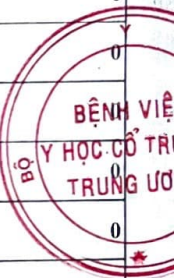
GIÁM ĐỐC *h*



Vũ Nam

DANH MỤC MUA BỔ SUNG DƯỢC LIỆU NĂM 2025

TT	Tên Dược liệu	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự kiến năm 2025	Thành tiền
1	An tức hương	<i>Benzoinum</i>	Nhựa cây	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	55		0
2	Bạch biên đầu	<i>Semen Lablab</i>	Hạt	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	400		0
3	Bạch đầu khâu	<i>Fructus Amomi rotundus</i>	Quả	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
4	Bạch tiền	<i>Radix et Rhizoma Cynanchi stauntonii</i>	Rễ, thân rễ	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	20		0
5	Bân lam căn	<i>Herba Isatidis</i>	Phần trên mặt đất	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	20		0
6	Băng phiến	<i>Borneolum syntheticum (D-Borneol)</i>	Tinh thể	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	37		0
7	Cốc tinh thảo	<i>Flos Eriocauli</i>	Cụm hoa	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
8	Côn bố	<i>Herba Laminariae</i>	Toàn cây	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
9	Dạ giao đằng	<i>Herba Fallopiae multiflorae</i>	Thân	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	30		0
10	Dại phúc bì	<i>Pericarpium Arecae catechi</i>	Vỏ quả	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	30		0
11	Đang sâm nam	<i>Radix Codonopsis javanicae</i>	Rễ	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	50		0
12	Địa du	<i>Radix Sanguisorbae</i>	Rễ	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	20		0
13	Đinh lich tử	<i>Semen Lepidi</i>	Hạt	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
14	Đơn la đo (Đơn mặt trời)	<i>Herba Excoecariae cochinchinensis</i>	Lá	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	100		0
15	Hải tảo (Rong mơ)	<i>Herba Sargassi</i>	Toàn cây	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
16	Hoàng đằng	<i>Caulis et Radix Fibraureae</i>	Thân, rễ	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	300		0
17	Hoạt thạch	<i>Talcum</i>	Khoáng thiên nhiên	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	1.000		0
18	Khô qua	<i>Fructus Momordicae charantiae</i>	Quả xanh	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	20		0
19	Khoản đông hoa	<i>Flos Tussilaginis farfarae</i>	Cụm hoa	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	40		0
20	La bạc tử	<i>Semen Raphanti sativi</i>	Hạt	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
21	Lá tre (Trúc diệp)	<i>Folium Bambusae vulgaris</i>	Lá	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	150		0
22	Lô cam thạch	<i>Calamina</i>	Muối kẽm	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	30		0
23	Lô căn	<i>Rhizoma Phragmitis</i>	Rễ	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
24	Long cốt	<i>Os Draconis</i>	Xương ĐV hóa thạch	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	30		0
25	Lục thần khúc	<i>Massa medicata fermentata</i>	Hỗn hợp lên men	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	300		0
26	Ma hoàng	<i>Herba Ephedrae</i>	Phần trên mặt đất	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
27	Mật mồng hoa	<i>Flos Buddleiae officinalis</i>	Hoa	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
28	Mô quạ	<i>Folium Maclurae cochinchinensis</i>	Lá	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	200		0
29	Ngũ bội tử	<i>Galla chinensis</i>	Tổ sâu	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	20		0
30	Nha đam tử	<i>Fructus Bruceae javanicae</i>	Quả	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
31	Nữ trinh tử	<i>Fructus Ligustri lucidi</i>	Quả chín	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	30		0
32	Phác tiêu	<i>Natrium sulfuricum</i>	Muối natri sulfat	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0



TT	Tên Dược liệu	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự kiến năm 2025	Thành tiền
33	Phèn chua (Bạch phàn)	<i>Alumen</i>	Khoáng thiên nhiên	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	100		0
34	Phù bình	<i>Herba Spirodelae polyrrhizae</i>	Toàn cây	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	250		0
35	Phụ tử chế	<i>Radix Aconiti lateralis praeparata</i>	Rễ	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	200		0
36	Quả vương bất lưu hành	<i>Fructus Fici pumilae</i>	Quả	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	120		0
37	Râu mèo	<i>Herba Orthosiphonis spiralis</i>	Phần trên mặt đất	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	60		0
38	Sâm cau	<i>Rhizoma Curculiginis</i>	Rễ	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	200		0
39	Sâm đại hành	<i>Bulbus Eleutherinis subaphyllae</i>	Thân hành	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	60		0
40	Tầm xoong	<i>Herba Atalaniae</i>	Toàn cây	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	700		0
41	Tầm xuân	<i>Herba Rosae multiflorae</i>	Toàn cây	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	700		0
42	Tang phiêu tiêu	<i>Cotheca Mantidis</i>	Tổ bộ ngựa	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	30		0
43	Tang thầm	<i>Fructus Mori albae</i>	Quả	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
44	Tạo giác thích	<i>Spina Gleditsiae australis</i>	Gai	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	30		0
45	Thạch quyết minh	<i>Concha Haliotidis</i>	Vỏ bào ngư	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	120		0
46	Thạch vĩ	<i>Herba Pyrrosiae linguae</i>	Toàn cây	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	30		0
47	Thiên nam tinh	<i>Rhizoma Arisaematis</i>	Thân rễ	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	20		0
48	Thô ty tử	<i>Semen Cuscutae</i>	Hạt	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	150		0
49	Thủy ngư giác	<i>Cornu Bubali</i>	Sừng trâu	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	37		0
50	Thuyền thoái	<i>Periosracum Cicadae</i>	Xác ve sầu	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	60		0
51	Tiểu hồi	<i>Fructus Foeniculi</i>	Quả chín	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
52	Tiểu mạch	<i>Fructus Triticici aestivi</i>	Quả	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
53	Tổ ngạnh	<i>Caulis Perillae</i>	Thân cành	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	60		0
54	Toàn yết	<i>Scorpio</i>	Toàn thân	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
55	Vỏ đậu xanh	<i>Cortex Semen Vignae radiatae</i>	Vỏ hạt	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	80		0
56	Xuyên luyên tử	<i>Fructus toosendan</i>	Quả	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
57	Xuyên tâm liên	<i>Herba Andrographii</i>	Phần trên mặt đất	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0
58	Xuyên tiêu	<i>Fructus Zanthoxyli</i>	Quả	Sơ chế	DDVN V/ CP2020	N2	kg	10		0

